ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2320 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 16 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng Quảng trường Huyện ủy huyện Bù Đăng và khu dân cư (thuộc khu quy hoạch Khu dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về chính sách, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 665/TTr-STNMT ngày 07/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng Quảng trường Huyện ủy huyện Bù Đăng và khu dân cư (thuộc khu quy hoạch Khu dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước), cụ thể như sau:

1. Mục đích định giá đất: Xác định giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng Quảng trường Huyện ủy huyện Bù Đăng và khu dân cư (thuộc khu quy hoạch Khu dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước).

2. Thông tin về khu đất cần định giá.

2.1. Vị trí đất tọa lạc tại thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

2.2. Diện tích thu hồi đất: 106.414,2 m^2 (Một trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm mười bốn phẩy hai mét vuông).

2.3. Mục đích sử dụng: Đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm.

3. Kết quả xác định giá đất.

STT	Hạng mục	Đơn giá theo QĐ 18/2020/QD-UBND ngày 12/8/2020 (đồng/m^2)	Đơn giá đất cụ thể (đồng/m^2)	Hệ số điều chỉnh
I	**Đất trồng cây lâu năm**			
1	**Các thửa đất tiếp giáp đường QL 14**			
1.1	Phạm vi 1	200.000	911.000	4,56
1.2	Phạm vi 2	200.000	456.000	2,28
1.3	Phạm vi 3	200.000	365.000	1,83
1.4	Phạm vi 4	200.000	273.000	1,37
1.5	Phạm vi 5	200.000	224.000	1,12
2	**Các thửa đất tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt**			
2.1	Phạm vi 1	200.000	911.000	4,56
2.2	Phạm vi 2	200.000	456.000	2,28
2.3	Phạm vi 3	200.000	365.000	1,83
2.4	Phạm vi 4	200.000	273.000	1,37
2.5	Phạm vi 5	138.000	224.000	1,62
3	**Các thửa đất mặt tiền đường hẻm chính (xác định theo Quốc lộ 14) có độ rộng hẻm từ 4m trở lên, kết cấu hẻm khác, chiều dài hẻm:**			

3.1	Phạm vi từ sau mét thứ 100 đến hết mét thứ 200	200.000	401.000	2,01
3.2	Phạm vi từ sau mét thứ 200 đến hết mét thứ 300	200.000	401.000	2,01
4	**Các thửa đất không tiếp giáp đường QL 14 và D1**			
4.1	Thửa đất nằm trong phạm vi 25m	200.000	224.000	1,12
4.2	Thửa đất nằm trong phạm vi từ trên 25m đến 50m	200.000	224.000	1,12
4.3	Thửa đất nằm trong phạm vi từ trên 50m đến 100m	108.000	224.000	2,07
4.4	Thửa đất nằm trong phạm vi trên 100m	45.000	224.000	4,98
5	**Các thửa đất không tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt**			
5.1	Thửa đất nằm trong phạm vi 25m	200.000	224.000	1,12
5.2	Thửa đất nằm trong phạm vi từ trên 25m đến 50m	138.000	224.000	1,62
5.3	Thửa đất nằm trong phạm vi từ trên 50m đến 100m	69.000	224.000	3,25
5.4	Thửa đất nằm trong phạm vi trên 100m	45.000	224.000	4,98
II	**Đất ở đô thị**			
1	**Các thửa đất tiếp giáp đường QL 14 (đoạn từ suối nhỏ giáp nhà ông Hòa (Thi) (km 909+980) đến ngã ba đường Lý Thường Kiệt)**			
1.1	Phạm vi 1	3.600.000	10.761.000	2,99
1.2	Phạm vi 2	1.800.000	5.381.000	2,99
1.3	Phạm vi 3	1.440.000	4.305.000	2,99
2	**Thửa đất tiếp giáp đường QL 14 (đoạn từ suối nhỏ giáp nhà ông Hòa (Thi) (km 909+980) đến ngã ba đường Lý Thường Kiệt) và đường Lý Thường Kiệt**			
2.1	Phạm vi 1	4.320.000	12.914.000	2,99
2.2	Phạm vi 2	2.160.000	6.457.000	2,99
2.3	Phạm vi 3	1.728.000	5.165.000	2,99
3	**Các thửa đất tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt**			
3.1	Phạm vi 1	2.300.000	4.738.000	2,06

3.2	Phạm vi 2	1.150.000	2.369.000	2,06
3.3	Phạm vi 3	920.000	1.895.000	2,06
4	**Các thửa đất mặt tiền đường hẻm chính (xác định theo Quốc lộ 14) có độ rộng hẻm từ 4m trở lên, kết cấu hẻm khác, chiều dài hẻm:**			
4.1	Phạm vi từ sau mét thứ 100 đến hết mét thứ 200	874.800	2.615.000	2,99
4.2	Phạm vi từ sau mét thứ 200 đến hết mét thứ 300	777.600	2.324.000	2,99
5	**Các thửa đất không tiếp giáp đường QL 14**			
5.1	Thửa đất nằm trong phạm vi 25m	1.080.000	1.248.000	1,16
5.2	Thửa đất nằm trong phạm vi từ trên 25m đến 50m	720.000	1.248.000	1,73
5.3	Thửa đất nằm trong phạm vi từ trên 50m đến 100m	360.000	1.248.000	3,47
5.4	Thửa đất nằm trong phạm vi trên 100m	150.000	1.248.000	8,32

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 2;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (Đ.Thắng TNMT QĐ 117).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh